



CK.0000069369

BỘ TÀI CHÍNH

# BIỂU THUẾ XUẤT - NHẬP KHẨU 2014

- THÔNG TƯ SỐ 164/2013/TT-BTC NGÀY 15/11/2013 CỦA BỘ TÀI CHÍNH BAN HÀNH BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU, BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI THEO DANH MỤC MẶT HÀNG CHỊU THUẾ (Thực hiện từ 01/01/2014)
- THÔNG TƯ SỐ 162/2013/TT-BTC NGÀY 15/11/2013 CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ VIỆC BAN HÀNH BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - CHI LÊ GIAI ĐOẠN 2014 - 2016 (Thực hiện từ 01/01/2014)



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀ NỘI

**H** **P** RINTING

# IN HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG



Theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ  
Ngày 14 tháng 5 năm 2010, Cục thuế TP. Hà Nội đã xác nhận  
Công ty Cổ phần In Hà Nội là Công ty đủ điều kiện để in Hóa đơn GTGT,...

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀ NỘI NHẬN IN NHANH HÓA ĐƠN**

# 3 - 5 ngày

**Web: [www.inhanoi.vn](http://www.inhanoi.vn) Email: [hoadon@inhanoi.vn](mailto:hoadon@inhanoi.vn)**

**H** **P** RINTING

Văn phòng giao dịch  
93 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: 04 3944 8822  
04 3943 7067 - 04 3943 7063  
Fax: 04 3943 7062 - Di động: 0913 219 445

Nhà máy:  
Lô 6B, CN5 Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi  
Thanh Trì, Hà Nội  
Điện thoại: 04 3684 0250 / 3684 0251  
Fax: 04 3684 0221

# **BIỂU THUẾ XUẤT - NHẬP KHẨU 2014 THỰC HIỆN TỪ 01/01/2014**

- THÔNG TƯ SỐ 164/2013/TT-BTC NGÀY 15/11/2013 CỦA BỘ TÀI CHÍNH BAN HÀNH BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU, BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI THEO DANH MỤC MẶT HÀNG CHỊU THUẾ
- THÔNG TƯ SỐ 162/2013/TT-BTC NGÀY 15/11/2013 CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ VIỆC BAN HÀNH BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - CHI LÊ GIAI ĐOẠN 2014 - 2016



## LỜI GIỚI THIỆU

Để thực hiện việc cắt giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi hàng năm theo cam kết WTO, ngày 15/11/2013, Bộ Tài chính đã ban hành 2 Thông tư: **Thông tư số 164/2013/TT-BTC** ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế; **Thông tư số 162/2013/TT-BTC** ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê giai đoạn 2014 - 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

Biểu thuế mới 2014 có nhiều thay đổi so với Biểu thuế 2013 cả về nội dung lẫn Danh mục Biểu thuế. Cụ thể: Nội dung Thông tư hướng dẫn chi tiết hơn về Biểu thuế xuất khẩu; cách thức áp dụng mã hàng và thuế suất của các mặt hàng thuộc Chương 98; Danh mục biểu thuế xuất khẩu đã được chi tiết các nhóm mặt hàng đến cấp độ 8 số; 210 dòng thuế giảm thuế suất và hơn 400 dòng thuế được điều chỉnh tăng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi; chính thức áp thuế suất thuế nhập khẩu 59% và 55% đối với rượu vang và rượu mạnh được từ các rượu vang nho hoặc rượu bã nho được vận chuyển trực tiếp từ Chi Lê;...

*Trên thị trường hiện nay có nhiều cuốn sách tương tự, tuy nhiên phần mã số và mô tả của thuế giá trị gia tăng không được cập nhật đầy đủ (chỉ cập nhật đến mã 8 số trong khi văn bản quy định là mã 10 số), khiến người thực hiện không tra được thuế suất đúng (trong trường hợp thuế suất thuế giá trị gia tăng khác nhau ở 2 mã cuối).*

Để giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân làm công tác quản lý, điều hành sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực xuất - nhập khẩu nắm được các quy định mới nhất về thuế suất hiện hành đối với hàng hoá xuất - nhập khẩu, nhà xuất bản Lao Động xuất bản cuốn sách **“Biểu thuế xuất - nhập khẩu: 2014”**.

*Cuốn sách trên đã tổng hợp đầy đủ, chính xác mã của các biểu thuế gồm mã 8 số và mã 10 số và được hướng dẫn tra cứu chi tiết trong phần hướng dẫn lập biểu.*

Nội dung của cuốn sách gồm các phần sau:

*Phần thứ nhất:* Hướng dẫn sử dụng biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu tổng hợp và thuế GTGT hàng nhập khẩu

*Phần thứ hai:* Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu tổng hợp, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu:

- Biểu thuế xuất khẩu

- Biểu thuế nhập khẩu tổng hợp và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu:

+ Mã hàng

+ Mô tả hàng hoá

+ Đơn vị tính

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

+ Biểu thuế nhập khẩu thông thường

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN (ATIGA)

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA)

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Việt Nam - Nhật Bản (VJPEA)

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Nhật Bản (AJCEP)

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Úc - Niu Di-lân (AANZFTA)

+ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Việt Nam - Chi Lê (VCFTA)

+ Biểu thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!

**NHÀ XUẤT BẢN**



## MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

3

### Phần thứ nhất

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU

<b>A GIẢI THÍCH NỘI DUNG BIỂU</b>	13
<b>B DANH SÁCH CÁC NƯỚC</b>	17
I. Danh sách các nước trên thế giới	17
II. Danh sách các nước và vùng lãnh thổ đã có thoả thuận đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam	22
III. Danh sách các nước và vùng lãnh thổ đã có thoả thuận ưu đãi đặc biệt trong quan hệ thương mại với Việt Nam	23
<b>C DANH MỤC VĂN BẢN THIẾT YẾU TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU</b>	24

### Phần thứ hai

## BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG HÀNG NHẬP KHẨU

<b>A BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU</b>	29
<b>B BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VÀ THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU</b>	57

### Phần I - Động vật sống; các sản phẩm từ động vật

<b>Chương 1:</b> Động vật sống	57
<b>Chương 2:</b> Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	60
<b>Chương 3:</b> Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thuỷ sinh không xương sống khác	65
<b>Chương 4:</b> Sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	85
<b>Chương 5:</b> Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác	90

### Phần II - Các sản phẩm thực vật

<b>Chương 6:</b> Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cảnh hoa và các loại cảnh lá trang trí	93
<b>Chương 7:</b> Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được	95
<b>Chương 8:</b> Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	101
<b>Chương 9:</b> Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	106

<b>Chương 10:</b> Ngũ cốc	110
<b>Chương 11:</b> Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	113
<b>Chương 12:</b> Hạt dầu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rom, rạ và cỏ khô	116
<b>Chương 13:</b> Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác	121
<b>Chương 14:</b> Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	123

**Phần III - Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng;  
mỡ ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật**

<b>Chương 15:</b> Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật	124
---	-----

**Phần IV - Thực phẩm chế biến; đồ uống, rượu mạnh và giấm;  
thuốc lá và các loại nguyên liệu thay thế thuốc lá đã chế biến**

<b>Chương 16:</b> Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	134
<b>Chương 17:</b> Đường và các loại kẹo đường	138
<b>Chương 18:</b> Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	140
<b>Chương 19:</b> Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	142
<b>Chương 20:</b> Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây	146
<b>Chương 21:</b> Các chế phẩm ăn được khác	151
<b>Chương 22:</b> Đồ uống, rượu và giấm	155
<b>Chương 23:</b> Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến	160
<b>Chương 24:</b> Thuốc lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá đã chế biến	163

**Phần V - Khoáng sản**

<b>Chương 25:</b> Muối; lưu huỳnh; đất và đá; thạch cao, vôi và xi măng	165
<b>Chương 26:</b> Quặng, xỉ và tro	172
<b>Chương 27:</b> Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất	175

**Phần VI - Sản phẩm của ngành công nghiệp hoá chất  
hoặc các ngành công nghiệp liên quan**

<b>Chương 28:</b> Hoá chất vô cơ; các hợp chất vô cơ hay hữu cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm; các nguyên tố phóng xạ hoặc các chất đồng vị	181
---	-----



<b>Chương 29:</b> Hoá chất hữu cơ	193
<b>Chương 30:</b> Dược phẩm	214
<b>Chương 31:</b> Phân bón	223
<b>Chương 32:</b> Các chất chiết xuất làm thuốc nhuộm hoặc thuốc da; tan nin và các chất dẫn xuất của chúng; thuốc nhuộm, thuốc màu và các chất màu khác; sơn và vecni; chất gắn và các loại ma tít khác; các loại mực	226
<b>Chương 33:</b> Tinh dầu và các chất tựa nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc các chế phẩm dùng cho vệ sinh	233
<b>Chương 34:</b> Xà phòng, các chất hữu cơ hoạt động bề mặt, các chế phẩm dùng để giặt, rửa, các chế phẩm bôi trơn, các loại sáp nhân tạo, sáp chế biến, các chế phẩm dùng để đánh bóng hoặc tẩy sạch, nến và các sản phẩm tương tự, bột nhào dùng làm hình mẫu, sáp dùng trong nha khoa và các chế phẩm dùng trong nha khoa có thành phần cơ bản là thạch cao	237
<b>Chương 35:</b> Các chất chứa albumin; các dạng tinh bột biến tính; keo hồ; enzym	243
<b>Chương 36:</b> Chất nổ; các sản phẩm pháo; diêm, các hợp kim tự cháy; các chế phẩm dễ cháy khác	246
<b>Chương 37:</b> Vật liệu ảnh hoặc điện ảnh	248
<b>Chương 38:</b> Các sản phẩm hoá chất khác	254

**Phần VII - Plastic và các sản phẩm bằng plastic;  
cao su và các sản phẩm bằng cao su**

<b>Chương 39:</b> Plastic và các sản phẩm bằng plastic	265
<b>Chương 40:</b> Cao su và các sản phẩm bằng cao su	284

**Phần VIII - Da sống, da thuộc, da lông và các sản phẩm từ da;  
bộ đồ yên cương, hàng du lịch, túi xách tay và các loại đồ chứa tương tự,  
các mặt hàng từ ruột động vật (trừ tơ từ ruột con tằm)**

<b>Chương 41:</b> Da sống (trừ da lông) và da thuộc	297
<b>Chương 42:</b> Các sản phẩm bằng da thuộc; bộ đồ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại đồ chứa tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ tơ từ ruột con tằm)	301
<b>Chương 43:</b> Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo	305

**Phần IX - Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ; lie và các sản phẩm  
làm bằng lie; các sản phẩm từ rom, cỏ giấy hoặc các vật liệu tết, bện khác;  
các sản phẩm bằng liễu gai và song mây**

<b>Chương 44:</b> Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ	307
<b>Chương 45:</b> Lie và các sản phẩm bằng lie	316
<b>Chương 46:</b> Sản phẩm làm từ rom, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm bằng liễu gai và song mây	317

**Phần X - Bột giấy từ gỗ hoặc từ chất liệu xơ sợi xenlulo khác; giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa); giấy và bìa và các sản phẩm của chúng**

<b>Chương 47:</b> Bột giấy từ gỗ hoặc từ chất liệu xơ sợi xenlulo khác; giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa)	319
<b>Chương 48:</b> Giấy và bìa; các sản phẩm làm bằng bột giấy, bằng giấy hoặc bằng bìa	321
<b>Chương 49:</b> Sách, báo, tranh ảnh và các sản phẩm khác của công nghiệp in; các loại bản thảo viết bằng tay, đánh máy và sơ đồ	345

**Phần XI - Nguyên liệu dệt và sản phẩm dệt**

<b>Chương 50:</b> Tơ tằm	353
<b>Chương 51:</b> Lông cừu, lông động vật loại mịn hoặc loại thô; sợi từ lông đuôi hoặc bờm ngựa và vải dệt thoi từ các nguyên liệu trên	355
<b>Chương 52:</b> Bông	358
<b>Chương 53:</b> Xơ dệt gốc thực vật khác; sợi giấy và vải dệt thoi từ sợi giấy	365
<b>Chương 54:</b> Sợi filament nhân tạo; sợi dạng dải và các dạng tương tự từ nguyên liệu dệt nhân tạo	367
<b>Chương 55:</b> Xơ, sợi staple nhân tạo	372
<b>Chương 56:</b> Mền xơ, phốt và các sản phẩm không dệt; các loại sợi đặc biệt; sợi xe, chào bện (cordage), thùng và cáp và các sản phẩm của chúng.	378
<b>Chương 57:</b> Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác	382
<b>Chương 58:</b> Các loại vải dệt thoi đặc biệt; các loại vải dệt chần sợi vòng; hàng ren; thảm trang trí; hàng trang trí; hàng thêu	385
<b>Chương 59:</b> Các loại vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp; các mặt hàng dệt thích hợp dùng trong công nghiệp	391
<b>Chương 60:</b> Các loại hàng dệt kim hoặc móc	396
<b>Chương 61:</b> Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	400
<b>Chương 62:</b> Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	407
<b>Chương 63:</b> Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; bộ vải; quần áo dệt và các loại hàng dệt cũ khác; vải vụn	417

**Phần XII - Giày, dép, mũ và các vật đội đầu khác, ô, dù, ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi gậy điều khiển, roi điều khiển súc vật thô kéo và các bộ phận của các loại hàng trên; lông vũ chế biến và các sản phẩm làm từ lông vũ chế biến; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc người**

<b>Chương 64:</b> Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên	422
<b>Chương 65:</b> Mũ và các vật đội đầu khác và các bộ phận của chúng	426